TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2020/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Chiến.

Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T;**Tên gọi khác: C; Sinh ngày: 06/6/1983; Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Lê Văn C1, sinh năm: 1951 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1953 (Đã chết). Bị cáo có vợ tên là Lương Thị Anh T, sinh năm 1990 và 01 con nhỏ, sinh năm 2013.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thái Đ;** Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Nguyễn H1, sinh năm: 1945; Con bà: Trần Thị D, sinh năm: 1948. Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993 và 02 người con, nhỏ nhất sinh năm 2014, lớn nhất sinh năm 2012.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phan Văn T3;** Sinh ngày: 20/10/1985; Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Phan Văn Đ1, sinh năm: 1954; Con bà: Phạm Thị C2, sinh năm: 1957. Bị cáo có vợ tên là Trần Thị L, sinh năm 1989 và 02 người con, nhỏ nhất sinh năm 2014, lớn nhất sinh năm 2010.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi C1 trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Văn B;** Sinh ngày: 06/5/1975; Nơi sinh: Huyện ĐB, tỉnh Quảng Nam.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Lê Văn T4, sinh năm: 1948; Con bà: Phùng Thị H2, sinh năm: 1952. Bị cáo có vợ tên là Mai Thị Phượng, sinh năm 1977 và 03 người con; nhỏ nhất sinh năm 2009, lớn nhất sinh năm 1999.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn S,** Tên gọi khác: B; Sinh ngày: 14/3/1979; Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1937; Con bà: Phạm Thị C3, sinh năm: 1939.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Đinh Văn H3;** Tên gọi khác: R; Sinh ngày: 25/7/1989; Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Đinh M, sinh năm: 1948; Con bà: Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1949.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2020 đến ngày 3/6/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi C1 trú, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*

1. Anh Lê Công V, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt

2. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 2002. Trú tại: Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/5/2020 Lê Văn T đang ở nhà tại thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì có Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3 và Đinh Văn H3, Lê Công V và Nguyễn Văn L2 đến ngồi chơi và uống cà phê ở bàn gỗ ngoài sân. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Đ rủ T, H3 và T3 đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức xóc bầu, cua, tôm, cá trên điện thoại di động thông minh thì T3, H3và T đồng ý. Nguyễn Thái Đ lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37fw đã có cài đặt phần mềm trò chơi bầu, cua, tôm, cá… để Lê Văn T làm cái còn Đ, T3, H3 đặt cược, các con bạc lấy bàn uống nước, cà phê làm chiếu bạc. Đánh được khoảng 30 phút thì máy của Đ hết bin, T lấy điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Vivo của mình cài đặt phần mềm đánh bầu, cua, tôm, cá để tiếp tục chơi. Khi tham gia đặt cược mỗi ván bạc, số tiền trên chiếu bạc từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, mỗi con bạc đặt C1ợc số tiền ít nhất là 10.000 đồng nhiều nhất là 50.000 đồng. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 28/5/2020 các con bạc đang sát phạt nhau thì bị Công an xã QĐ bắt quả tang gồm Phan Văn T3, Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Lê Văn B, Đinh Văn H3, còn Nguyễn Thái Đ chạy thoát.

Thu giữ trên bàn (chiếu bạc) số tiền 5.643.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; 02 chiếc bàn bằng gỗ; 06 chiếc ghế nhựa màu đỏ sử dụng vào việc đánh bạc và tạm giữ trên người của Đinh Văn H3 số tiền 5.553.000 đồng, của Nguyễn Văn S số tiền 1.200.000 đồng, của Lê Văn B số tiền 62.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, của Lê Văn T số tiền 720.000 đồng, của Nguyễn Thái Đ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37fw.

Ngày 28/5/2020 Nguyễn Thái Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Hình thức đánh xóc bầu, cua, tôm, cá trên điện thoại di động thông minh được tài về và cài đạt trong máy, cách tính thắng thua được quy định như sau: Những người tham gia chơi đánh bạc sẽ có một người đứng ra làm cái, những người còn lại

đóng vai trò là người đặt C1ợc; Đầu tiên người làm cái sẽ bấm nút xóc bầu, cua, tôm, cá… trên phần mềm trò chơi được mở trong điện thoại di động, sau đó người chơi bắt đầu đặt tiền vào các ô "bầu, cua, tôm, cá, gà, nai" được quy ước trên bàn tương ứng với các ô trên điện thoại di động được đặt giữa bàn. Sau đó, người làm cái sẽ bấm nút mở kết quả để tính thắng thua và chung tiền theo tỉ lệ tương ứng. Nếu người chơi đặt ở ô không trùng với kết quả của ba quân xúc xắc trên điện thoại thì người chơi thua số tiền đã đặt C1ợc, nếu người chơi đặt tiền ở ô trùng với kết quả của ba quân xúc xắc trên điện thoại thì người chơi thắng, được số tiền tương ứng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Từ lúc 22 giờ ngày 27/5/2020 đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 28/5/2020 Lê Văn T đã sử dụng 1.720.000 để đánh bạc thua 1.000.000 đồng. Khi bị bắt T đang thắng số tiền 750.000 đồng và bỏ tiền tại chiếu bạc, ngoài ra còn thu giữ trên người số tiền là 720.000 đồng là tiền T nhằm mục đích sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thái Đ đã sử dụng 920.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Đ đang thua số tiền 420.000 đồng, số tiền còn lại vứt tại chiếu bạc khi bỏ chạy, đến 09 giờ cùng ngày ra đầu thú tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động mang nhãn hiệu OPPO A37fw màu đen. Phan Văn T3 sử dụng số tiền 1.460.000 đồng để đánh bạc, mượn của T 1.000.000 đồng và mượn của B 300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T3 không xác định được đang thắng hay thua, toàn bộ tiền bỏ tại chiếu bạc. Nguyễn Văn S sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thua 100.000 đồng số tiền còn lại bỏ lại chiếu bạc, ngoài ra còn thu giữ trên người số tiền 1.200.000 đồng là tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Lê Văn B sử dụng 763.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt không xác định được đang thắng hay thua, thu giữ trên người số tiền 62.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell không phải tài sản sử dụng vào việc đánh bạc. Đinh Văn H3 bỏ ra số tiền 400.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H3 đang thắng với số tiền 600.000 đồng và bỏ toàn bộ tiền trên chiếu bạc, ngoài ra còn thu giữ trên người H3 số tiền 5.553.000 đồng là tiền H3 để trả tiền điện, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với số tiền 5.553.000 đồng tạm giữ của Đinh Văn H3, số tiền 1.200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn S, số tiền 62.000 đồng và 01 điện thoại di động Mobell tạm giữ của Lê Văn B. Cơ quan cảnh sát điều tra không chứng minh được các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc đã đề nghị trả lại các tài sản trên cho các bị can Đinh Văn H3, Nguyễn Văn S và Lê Văn B. Ngày 21/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã ra Quyết định trả lại tài sản số 01, 02, 03 trả lại tài sản cho các bị can Đinh Văn H3, Nguyễn Văn S và Lê Văn B là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị

cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái Đ** 09 tháng đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn T3** 06 tháng đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn B** 06 tháng đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 06 tháng đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H3** 06 tháng đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 cho UBND xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã QĐ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ số tiền 6.363.000 đồng (Trong đó thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.643.000 đồng, thu giữ trên người của bị caó Lê Văn T số tiền 720.000 đồng) là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37fw màu đen, 01 cục sạc dự phòng là dụng cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 02 chiếc bàn bằng gỗ tạp do bị cáo T tự đóng, 06 chiếc ghế nhựa màu đỏ mua từ năm 2009 không còn giá trị sử dụng cần tích thu tiêu hủy.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật

Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, biên bản đầu thú phù hợp với các vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/5/2020, tại nhà của Lê Văn T, ở Thôn 2, xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh xóc bầu cua bằng điện thoại đi động thông minh thì bị Công an xã QĐ, huyện K bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền là 6.363.000 đồng (Trong đó thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.643.000 đồng, thu giữ trên người của bị can Lê Văn T số tiền 720.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc) và tang vật của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37fw màu đen, 01 cục sạc dự phòng, 02 chiếc bàn bằng gỗ; 06 chiếc ghế nhựa màu đỏ phục vụ cho việc đánh bạc.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố truy tố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 321 Bộ Luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung tại địa phương địa bàn xã QĐ,nói riêng và huyện K nói chung. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ khả năng nhận thức, khả năng điều khiển được hành vi của mình và đều biết rằng hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội mà Nhà nước nghiêm cấm. Song vì lười lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính nên khi bị cáo Đ rủ các bị cáo khác đánh bầu cua bằng điện thoại di động thắng thua bằng tiền thì các bị cáo Lê Văn T, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3,tham gia đánh bạc. Các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, Hội đồng xét xử

nhận thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện.

Xét thấy trong vụ án có nhiều bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau nên cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, trên cơ sở đó cụ thể hoá mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Lê Văn T khi phạm tội sử dụng bàn ghế tại nhà của mình và dùng sử dụng điện thoại nhãn hiệu VIVO của mình để làm công cụ đánh bạc, là người cầm cái đầu tiên và sử dụng số tiền 1.720.000đ để đánh bạc.

Đối với bị cáo Nguyễn Thái Đ là người rủ rê khởi xướng việc đánh bạc. Đ sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO của mình để làm công cụ đánh bạc, sử dụng số tiền 920.000đ để đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Đ và bị T mức hình phạt đủ nghiêm, ngang bằng nhau và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án là phù hợp.

Đối với bị cáo Phan Văn T3 quá trình phạm tội thay T làm cái, tham gia đánh bạc với số tiền 1.460.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm, thấp hơn bị cáo Đ, T và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án là phù hợp.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 tham gia vụ án với vai trò người thực hành, khi bị cáo Đ rủ đánh bạc thì các bị cáo đều tham gia, bị cáo S sử dụng số tiền 1.100.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo Bình sử dụng số tiền 763.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo Hòa sử dụng số tiền 400.000đ để tham gia đánh bạc. Xét thấy tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấp hơn các bị cáo Đ, T, T3 nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn và ngang bằng nhau là phù hợp.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,, bị cáo S có bố mẹ là người có công với cách mạng (được tặng thưởng huân chương kháng chiến), bị cáo H3 có hành cảnh gia đình khó khăn, có đơn xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có nơi C1 trú rõ ràng, có nhân thân tốt, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình phối hợp giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

Đối với Lê Công V và Nguyễn Văn L2 có mặt lúc Cơ quan điều tra bắt quả nhưng V và L2 chỉ ngồi xem và không tham gia đánh bạc. Do đó, không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[3] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 6.363.000 đồng (Trong đó thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.643.000 đồng, thu giữ trên người của bị caó Lê Văn T số tiền 720.000

đồng) là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Theo biên lai thu tiền số 0001414 ngày 28/7/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện K

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37fw màu đen, 01 cục sạc dự phòng là các

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc bàn bằng gỗ tạp do bị cáo T tự đóng, 06 chiếc ghế nhựa màu đỏ không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái Đ** 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn T3** 07 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn B** 06 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 06 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách từ 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H3** 06 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, Thời gian thử thách từ 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3 cho UBND xã QĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã QĐ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi C1 trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực

hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự

- Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 6.363.000 đồng (Trong đó thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.643.000 đồng, thu giữ trên người của bị caó Lê Văn T số tiền 720.000 đồng) là tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Theo biên lai thu tiền số 0001414 ngày 28/7/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện K

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37fw màu đen, 01 cục sạc dự phòng là các

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc bàn bằng gỗ tạp do bị cáo T tự đóng, 06 chiếc ghế nhựa màu đỏ không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

***Về án phí*:** Căn cứ Điều 136 BLTTHS 2015, điểm 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thái Đ, Phan Văn T3, Nguyễn Văn S, Lê Văn B và Đinh Văn H3, mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Công an huyện K;
- Cơ quan THAHS Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện,
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Đôn